

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 807/2022/HS-PT
Ngày: 14/11/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Lý - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 701/2022/TLPT-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Phí Văn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2022/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Phí Văn A, tên gọi khác: Không; sinh năm 1967; giới tính: Nam;

ĐKNKTT và nơi ở: Số 3, ngách 5, ngõ 177 đường B, tổ dân phố 13, phường B1, quận B2, Thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 5/10; con ông: Phí Văn B3 (đã chết), con bà: Lê Thị B4; vợ: Nguyễn Thị B5; có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; danh chỉ bản số 000000235 ngày 23/4/2021 tại Công an quận B2, Thành phố Hà Nội; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/4/2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam số 1 Công an Thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Mạnh B6 và ông Nguyễn Văn B7, Luật sư Công ty luật TNHH B6B7 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

* *Bị hại*: Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B2 (nay là quận B2), Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà CT6C, khu TĐC B8, phường B1, quận B2, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Anh B9, chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hải B10, chức vụ: Phó Giám đốc (theo Quyết định ủy quyền số 06/QQD-TTPTQĐ ngày 05/4/2021), vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1) Ông Phí Mạnh B11, sinh năm 1960 trú tại: Số nhà 1 ngõ 3, phố Ông B12, phường B1, quận B2, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

2) Trung tâm phát triển quỹ đất quận B2, Hà Nội; địa chỉ: Tầng 2, 3 trụ sở văn phòng HĐND, UBND quận B2, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tiến B13, chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

3) Ủy ban nhân dân phường B1, quận B2, Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 70Đ B, phường B1, quận B2, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang B14, chức vụ: Chủ tịch; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Phí Mạnh B11 là chủ sở hữu căn nhà mái bằng trên thửa đất số 56, tổ 3, đường 32, xã B15, huyện B2, Thành phố Hà Nội (nay là tổ 12, phường B1, quận B2, Thành phố Hà Nội), diện tích 115,4m². Từ năm 2007, do ông B11 cùng vợ, con thường xuyên sinh sống và làm việc tại Đức nên giao lại nhà cho cụ Lê Thị B4 là mẹ đẻ của ông B11 và gia đình Phí Văn A (là em trai của ông B11) trông nom. Khi đi nước ngoài ông B11 để chứng minh thư nhân dân số 011667137, cấp ngày 08/10/2001 của ông B11 ở nhà.

Ngày 04/02/2010, UBND huyện B2 ban hành Quyết định số 1016/QĐ-UBND về việc thu hồi đất tại xã B15 để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng quốc lộ 32 đoạn B - Nhỏ. Trong đó gia đình ông B11 bị thu hồi 99,7m²/115,4m² đất. Ngày 14/6/2010 ông B11 đã bàn giao mặt bằng cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B2 để thực hiện dự án.

UBND huyện B2, Thành phố Hà Nội tổ chức bốc thăm bố trí tái định cư. Ngày 14/6/2010 ông B11 về nước, ngày 15/6/2010 ông B11 bốc thăm 01 suất đất tái định cư, diện tích 86m²; đến ngày 26/7/2010, ông B11 tiếp tục xuất cảnh sang Đức. Ngày 05/10/2010, UBND huyện B2, Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 13568/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi

tiết đối với hộ gia đình ông Phí Mạnh B11 với tổng số tiền được nhận là 729.592.955 đồng. Chị Nguyễn Thị C là cán bộ UBND xã B15 giao Quyết định số 13568/QĐ-UBND cho ông Phí Mạnh B11. Tuy nhiên, do ông B11 đang sinh sống ở nước ngoài nên chị C đã giao Quyết định trên cho Phí Văn A nhận hộ; khi nhận hộ, A xuất trình giấy chứng minh thư nhân dân của mình số 011188957 và của ông Phí Mạnh B11 số 011667137 để chị C ghi vào sổ, đồng thời A ký, ghi họ tên của mình trong quyển sổ giao nhận.

Trước khi thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông Phí Mạnh B11, ông Lê Quyết C1 là Bí thư chi bộ, kiêm Tổ trưởng tổ dân phố 3, xã B15, huyện B2 (nay là phường B1, quận B2) gửi Thông báo mời nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ gia đình ông Phí Mạnh B11. Tuy nhiên, do ông B11 đang sinh sống ở nước ngoài nên ông C1 đã giao cho gia đình Phí Văn A nhận hộ (không có ký nhận).

Ngày 13/10/2010, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B2 phối hợp với UBND xã B15 tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong đó có hộ gia đình ông Phí Mạnh B11. Thời gian này ông B11 đang sinh sống ở nước ngoài nên Phí Văn A đã sử dụng chứng minh thư nhân dân của ông Phí Mạnh B11 và Quyết định số 13568/QĐ-UBND đến UBND xã B15 (nay là phường B1, quận B2). Chị Nguyễn Thị Thùy C2 là kế toán Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B2 tiến hành đối chiếu chứng minh thư nhân dân, Quyết định phương án bồi thường, Thông báo nhận tiền bồi thường. Chị C2 không phát hiện A gian dối mạo danh ông Phí Mạnh B11 để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nên chị C2 đã viết phiếu chi số 10 gồm 03 liên (01 liên viết trực tiếp và 02 liên qua giấy than), nội dung: Họ tên người nhận tiền: Phí Mạnh B11: CMT 011667137, cấp ngày 8/10/2001, Địa chỉ: B8 – B2 - TL; Lý do chi: Chi trả tiền BTHT cho hộ dân tại D/án đường 32 theo QĐ số 13568; Số tiền 729.592.955 đồng, sau đó chuyển cho bà Đỗ Thị Thu C3 là thủ quỹ của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B2 thực hiện việc chi trả số tiền 729.592.955 đồng. Phí Văn A nhận số tiền trên và ký, ghi họ tên Phí Mạnh B11 dưới mục “Người nhận”. Sau đó toàn bộ phiếu chi chuyển về Trung tâm phát triển quỹ đất để ông Nguyễn Quyết C4 (tên gọi khác là Nguyễn Văn C4) là Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất; chị Nguyễn Thị Ngọc C5 là kế toán trưởng; chị Nguyễn Thị Phương C6 là kế toán ký hoàn thiện phiếu chi để phục vụ việc thanh quyết toán theo quy định.

Ngày 29/7/2011, UBND huyện B2, (nay là quận B2), Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6950/QĐ-UBND phê duyệt phương án hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư cho gia đình ông Phí Mạnh B11 số tiền 8.150.013 đồng. Thời gian này ông B11 đang sinh sống ở nước ngoài, tuy nhiên sau khi nhận được Quyết định số 6950/QĐ-UBND, thì ngày 13/9/2011 Phí Văn A làm giả đơn xin xác nhận trong đó có nội dung ông B11 ủy quyền cho em trai là Phí Văn A, số chứng minh thư: 011188957 cấp ngày 21/4/1998 đi nhận tiền thay ông, A giả chữ ký của ông Phí Mạnh B11 dưới

mục “Người làm đơn” và được ông Phí Lê C7 - Chủ tịch UBND xã B15 ký, đóng dấu dưới mục “Xác nhận của chính quyền địa phương”. Ngày 14/9/2011, A mang theo Đơn xin xác nhận ủy quyền và Quyết định số 6950/QĐ-UBND đến UBND xã B15, cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B2 ban hành “PHIẾU CHI” đề ngày 14/9/2011, nội dung: “Họ tên người nhận tiền: Phí Mạnh B11: Địa chỉ: B2, TL, HN; Lý do chi: Chi trả tiền hỗ trợ tạm cư DA đường 32 xã B15 QĐ 6950 ngày 29/7/2011; Số tiền 8.150.013 đồng”, A ký, ghi họ tên Phí Văn A dưới mục “Người nhận tiền”.

Ngày 20/02/2020, ông Phí Mạnh B11 về nước và đến Trung tâm phát triển quỹ đất quận B2, Hà Nội để nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì phát hiện có người ký nhận số tiền trên từ 13/10/2010, cùng ngày ông B11 có đơn gửi UBND quận B2, Trung tâm phát triển quỹ đất quận B2 tố cáo hành vi chiếm đoạt tiền số tiền 729.592.955 đồng; Ngày 01/9/2020, UBND quận B2 ban hành Công văn số 2561/UBND-TTTr chuyển hồ sơ, đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát - Công an quận B2 để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết tố giác tội phạm, tại Quyết định số 06/QĐ-TTPTQĐ ngày 05/4/2021, ông Đỗ Anh B9, chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất quận B2, Thành phố Hà Nội ủy quyền cho ông Lê Hải B10, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất quận B2, Thành phố Hà Nội tham gia giải quyết vụ việc. Sau khi xác định có dấu hiệu của tội phạm, ngày 24/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận B2, Hà Nội khám xét chỗ ở của Phí Văn A, tại địa chỉ: số 3, ngách 5, ngõ 177, đường B, tổ dân phố 13, phường B1, quận B2, Hà Nội nhưng không thu giữ gì.

Tại kết luận giám định số 1543/KLGD-PC09-Đ3, ngày 23/02/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận:

- Người có mẫu chữ ký, chữ viết đứng tên Phí Văn A trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 ký và viết ra chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phí Mạnh B11 dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1.

- Chữ ký dạng chữ viết “B11”, chữ viết dòng họ tên Phí Mạnh B11 dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 với chữ viết đứng tên Phí Mạnh B11 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải là chữ do cùng một người viết ra.

* Không đủ cơ sở kết luận người có mẫu chữ ký, chữ viết đứng tên Phí Văn A trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 có ký và viết ra chữ ký “B11”, chữ viết dòng họ tên Phí Mạnh B11 dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A2.

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phí Mạnh B11 dưới chữ ký trên các mẫu cần giám định ký hiệu A3, A4 và chữ ký dưới mục “Người bắt thăm” trên mẫu cần giám định ký hiệu A5 với chữ ký, chữ viết đứng tên Phí Mạnh B11 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Ngày 05/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội ban hành quyết định số 22/QĐ-PC01 trưng cầu giám định lại 03 phiếu chi đề ngày 13/10/2010, ký hiệu từ A1 đến A3; 02 phiếu chi đề ngày 14/9/2011, ký hiệu A4; Đơn xin xác nhận đề ngày 13/9/2011, ký hiệu A5; Quyền sở được đánh số trang từ 01 đến 172, ký hiệu A6.

Tại kết luận giám định lại số 6446/C09-P5, ngày 13/8/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

Người có mẫu chữ gửi đến giám định đứng tên Phí Văn A trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M3 đến M5 có ký và viết ra các chữ ký, chữ viết đứng tên Phí Mạnh B11 dưới mục “Người nhận” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3; chữ ký, chữ viết đứng tên Phí Văn A dưới mục “Người nhận tiền” trên mẫu cần giám định ký hiệu A4; chữ ký, chữ viết đứng tên Phí Mạnh B11 trên mẫu cần giám định ký hiệu A5; chữ ký, chữ viết đứng tên Phí Văn A tại trang 64 trên mẫu cần giám định ký hiệu A6.

Xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác định ông Phí Mạnh B11 có lịch trình xuất nhập cảnh như sau: Ngày 14/6/2010 từ Cộng hòa liên bang Đức nhập cảnh về Việt Nam; ngày 26/7/2010 từ Việt Nam xuất cảnh sang Cộng hòa liên bang Đức; Ngày 23/02/2011 từ Cộng hòa liên bang Đức nhập cảnh về Việt Nam; Ngày 17/03/2011 từ Việt Nam xuất cảnh sang Cộng hòa liên bang Đức; Ngày 06/12/2012 từ Cộng hòa liên bang Đức nhập cảnh về Việt Nam...và các năm tiếp theo từ năm 2013 đến năm 2020 ông B11 đều xuất, nhập cảnh giữa Cộng hòa liên bang Đức và Việt Nam.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2022/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã tuyên bố bị cáo Phí Văn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phí Văn A 13 (*mười ba*) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 23/4/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, bị cáo Phí Văn A có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, không thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết.

Bị cáo trình bày: Bị cáo không biết được việc ông B11 được đền bù như thế nào, khi Cơ quan Công an gọi bị cáo lên làm việc đồng thời thông báo cho bị cáo

biết kết luận giám định, bị cáo không đồng ý nhưng sau đó bị bắt tạm giam, nên bị cáo không có ý kiến gì; bị cáo chưa bao giờ thừa nhận mình có nhận số tiền đền bù của ông B11, cũng như không ký bất cứ tài liệu nào liên quan đến việc đền bù đất của ông B11, bị cáo bị oan đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:* Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo thấy cấp sơ thẩm xét xử, quy kết bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và xử phạt bị cáo 13 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan; tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Mạnh B6 trình bày quan điểm: Không đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; hồ sơ vụ án có nhiều vi phạm thủ tục tố tụng, cụ thể:

- Việc chi trả tiền đền bù thì Trung tâm phát triển quỹ đất phải phối hợp với Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng, nhưng cơ quan Điều tra chưa tiến hành lấy lời khai của các thành viên Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Chưa xác minh được ai là người ký hồ sơ cấp đất tái định cư cho ông Phí Mạnh B11.

- Các tài liệu có trong hồ sơ chưa làm rõ việc bị cáo A có cầm chứng minh thư của ông B11 không, nếu có thì lấy vào thời gian nào và cũng không có tài liệu nào chứng minh A đã sử dụng chứng minh thư của ông B11 để lấy tiền tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B2.

- Chưa làm rõ được khi nhận tiền bồi thường của ông B11 thì có thu hồi quyết định bồi thường không, nhưng ông B11 lại có quyết định này.

- Về tội danh: Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào chứng cứ duy nhất là các kết luận giám định để buộc tội bị cáo, trong khi kết luận giám định lại không phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác, cụ thể: Lời khai của ông Phí Mạnh B11 bất nhất; việc ông B11 nhận Quyết định số 13568 tại phiên tòa sơ thẩm ông khẳng định do bị cáo A đưa, nhưng quá trình điều tra ông B11 lại khai do người nhà đưa, còn ai đưa ông không biết; sự việc xảy ra từ năm 2010 trong khi ông B11 thường xuyên từ nước ngoài về Việt Nam nhiều lần, nhưng đến năm 2020 ông B11 mới có đơn tố cáo. Quy trình trả tiền rất chặt chẽ, nên việc bị cáo A dùng chứng minh nhân dân của ông B11 để nhận tiền là không đúng; lời khai của ông Phí Lê C7 (là Chủ tịch xã) cho rằng quy trình không chặt chẽ nên ông đã ký vào giấy ủy quyền là không có căn cứ.

Từ phân tích trên, Luật sư B6 đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra lại, cần thiết thì giám định lại.

Luật sư Nguyễn Văn B7 trình bày bổ sung: Đồng tình với quan điểm của Luật sư B6 đã trình bày; các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ căn cứ vào chứng cứ duy nhất là kết luận giám định để kết tội bị cáo A, trong khi bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội là chưa đủ căn cứ. Ông B11 trước đó đã ký nhận rất nhiều tài liệu vào hồ sơ thu hồi đất, trong đó có ông Phí Lê C7 và các thành viên khác của Hội đồng bồi thường, nhưng ông C7 lại không biết được A, ông B11 là ai là không có căn cứ; trong số 13 người đến nhận tiền đền bù thì chỉ duy nhất có một lời khai cho rằng có nhìn thấy bị cáo A đến đó, nhưng đến để làm gì thì họ không biết. Do đó, đồng tình với quan điểm của Luật sư Cường, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Phí Văn A trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù bị cáo vẫn không thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm quy kết; nhưng căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời khai của vợ bị cáo là bà Nguyễn Thị B5 (là vợ bị cáo) thể hiện tháng 02/2020 ông B11 về nước có tổ chức họp gia đình đưa ra các phiếu thu ngày 13/10/2010 và ngày 14/9/2011 hỏi bị cáo A có nhận tiền và ký vào các phiếu thu nên trên hay không, bị cáo Phí Văn A đã thừa nhận có nhận số tiền và ký xác nhận vào phiếu thu ngày 14/9/2011, lời khai của bà B4 phù hợp với các kết luận giám định, phù hợp với lời khai của đại diện bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo A cũng như các Luật sư bào chữa cho bị cáo đều không có ý kiến gì về các kết luận giám định, cũng như không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh các kết luận giám định là không khách quan, không đúng quy định của pháp luật, không có căn cứ để bác bỏ các kết luận giám định. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Do ông Phí Mạnh B11 không ở Việt Nam, nên khi cơ quan có thẩm quyền giao quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Phí Văn A đã trực tiếp ký vào sổ của Ủy ban nhân dân xã B15 để nhận quyết định số 13568/QĐ-UBND ngày 05/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện B2 về việc hỗ trợ tái định cư cho hộ ông Phí Mạnh B11. Ngày 13/10/2010, Phí Văn A đã sử dụng chứng minh thư số 011667137 cấp ngày 08/10/2001 của ông

Phí Mạnh B11 và Quyết định 13568 đến Ủy ban nhân dân xã B15 nhận khoản tiền 729.592.955 đồng hỗ trợ tái định cư và ký tên Phí Mạnh B11 vào phần người nhận tiền tại ba liên của phiếu chi. Ngoài ra, bị cáo còn làm giả đơn xin xác nhận, trong đó nội dung là ông B11 ủy quyền cho bị cáo đi nhận tiền, có xác nhận của chính quyền địa phương. Sử dụng Giấy ủy quyền và Quyết định số 6950/QĐ-UBND ngày 29/7/2011 của UBND huyện B2 về việc phê duyệt phương án hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư đến Ủy ban nhân dân xã B15 nhận khoản tiền 8.150.013 đồng tiền hỗ trợ tạm cư và ký tên Phí Văn A vào phần người nhận tiền tại phiếu chi. Như vậy, bị cáo Phí Văn A đã có hành vi gian dối, mạo danh ông Phí Mạnh B11 để nhận và chiếm đoạt khoản tiền hỗ trợ tái định cư và hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B2 (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất quận B2) phải chi trả cho hộ ông Phí Mạnh B11 là 737.742.968 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Phí Văn A đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; cấp sơ thẩm quy kết, xét xử bị cáo với tội danh nêu trên theo Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan. Do bị cáo chiếm đoạt số tiền trên 500.000.000đ nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đã xử phạt bị cáo mức án 13 năm tù là có căn cứ, không cao; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xin giảm nhẹ hình phạt, nên không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Phí Văn A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phí Văn A; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2022/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phí Văn A 13 (mười ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (ngày 23/4/2021).

Về án phí: Bị cáo Phí Văn A phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm